

CÔNG TY CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VNPT
BAN KINH DOANH GIẢI PHÁP CNTT

BẢN YÊU CẦU CHÀO GIÁ
CUNG CẤP THIẾT BỊ HẠ TẦNG PHẦN CỨNG VÀ LẮP ĐẶT, CÀI ĐẶT
PHỤC VỤ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN
BAN KINH DOANH GIẢI PHÁP CNTT
GIÁM ĐỐC



Đặng Hà Vinh



BẢN YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Nội dung: Cung cấp thiết bị hạ tầng phần cứng và lắp đặt, cài đặt phục vụ quản lý hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân.

CHƯƠNG I. YÊU CẦU NỘI DUNG HỒ SƠ CHÀO GIÁ

1. Tên đơn vị nhận hồ sơ chào giá: Ban Kinh doanh Giải pháp CNTT (KDGP) – Chi nhánh Công ty Công nghệ thông tin VNPT.

2. Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ chào giá: Phòng Dự án, Ban Kinh doanh Giải pháp CNTT, tầng 7, Tòa nhà VNPT, số 57 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng, TP. Hà Nội.

3. Thời hạn nộp hồ sơ chào giá: Hồ sơ chào giá được nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ Ban Kinh doanh Giải pháp CNTT – Chi nhánh Công ty Công nghệ thông tin VNPT không muộn hơn **10h00 ngày 25/11/2025**. Các hồ sơ chào giá được gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá sẽ không được xem xét.

4. Tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá:

- Hồ sơ chào giá được người đại diện hợp pháp, hoặc người được đại diện hợp pháp ủy quyền của Đơn vị chào giá ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, Đơn vị chào giá gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ theo quy định để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền.

- Hiệu lực của hồ sơ chào giá: Thời gian có hiệu lực của hồ sơ chào giá tối thiểu là 130 ngày, kể từ ngày 25/11/2025.

- Tư cách hợp lệ: Có bản sao Đăng ký kinh doanh được cấp theo quy định của pháp luật (Bản công chứng, chứng thực) của Đơn vị chào giá.

CHƯƠNG II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Đơn vị chào giá (Đơn vị cung cấp (ĐVCC)) phải đáp ứng các yêu cầu chào giá (YCCG) theo nội dung sau:

I. Yêu cầu về phạm vi cung cấp:

TT	Danh mục hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng
I	Danh mục hàng hóa		
1	Firewall Internet	Bộ	2
2	Cân bằng tải DMZ	Bộ	2
3	Core Switch	Bộ	2
4	Máy chủ ảo hóa	Bộ	2
5	Máy chủ Env-App vật lý	Bộ	2
6	Máy chủ CSDL vật lý	Bộ	2
7	Thiết bị lưu trữ	Bộ	1

TT	Danh mục hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng
8	Thiết bị chuyên mạch lưu trữ	Bộ	2
9	Phần mềm ảo hóa	Bản quyền	72
10	Giải pháp phòng chống mã độc cho máy chủ	Bản quyền	24
11	Giải pháp giám sát mạng cho hệ thống	Bản quyền	1
II	Danh mục dịch vụ		
1	Dịch vụ lắp đặt, cài đặt	Gói	1

II. Yêu cầu về kỹ thuật:

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1 Yêu cầu kỹ thuật chung

a. Chất lượng hàng hóa:

Hàng hóa cung cấp phải được sản xuất từ năm 2025 trở về sau, thiết bị phải mới 100%, chưa sử dụng, là thiết bị chính hãng, được nhập khẩu đồng bộ nếu là sản xuất ở nước ngoài.

b. Tính hợp lệ của hàng hóa:

- Hàng hóa cung cấp có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và được công bố trên website của chính hãng sản xuất về hình ảnh, ký mã hiệu, nhãn hiệu và thông số kỹ thuật của hàng hóa (*Đơn vị chào giá phải cung cấp kèm theo hồ sơ chào giá đầy đủ catalogue, tài liệu kỹ thuật có xác nhận của Hãng sản xuất và được công bố trên website chính thức của Hãng sản xuất để chứng minh hàng hóa do Đơn vị chào giá đề xuất đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu của hồ sơ chào giá. Đơn vị chào giá gửi kèm đường dẫn đến website của Hãng sản xuất để Bên mời chào giá thực hiện kiểm tra, đối chiếu*).

- Đơn vị chào giá có cam kết khi bàn giao hàng hóa sẽ cung cấp các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa:

+ Bản chính hoặc bản gốc hoặc bản sao công chứng/chứng thực Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) và Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) đối với thiết bị nhập khẩu.

+ Bản chính hoặc bản gốc hoặc bản sao công chứng/chứng thực Giấy chứng nhận xuất xưởng/Giấy chứng nhận chất lượng đối với thiết bị sản xuất tại Việt Nam.

c. Yêu cầu về bảo hành:

- Yêu cầu về chế độ bảo hành: bảo hành chính hãng (thời gian bảo hành được quy định chi tiết tại mục 1.2)

1.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

Hàng hóa do Đơn vị chào giá chào phải đáp ứng tối thiểu các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật dưới đây:

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật
I	HẠNG MỤC THIẾT BỊ	
1	Firewall Internet	

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật
	Form rack	1U
	Ổ cứng (Local Storage)	120GB SSD
	Interface	- Tối thiểu 12 × 1GE RJ-45 ports; mở rộng được đến 16 cổng 1GE RJ-45.
		- 4 × SFP+ port
		- 1 × Console Port
	Threat Prevention	≥ 6Gbps
	Next Generation Firewall	≥ 8 Gbps
	VPN Throughput	≥ 5.5 Gbps
	Connections per Second	≥ 90000
	Concurrent Connections	≥ 2000000
	Nguồn	AC redundant
	Tính năng	- Firewall, IPS, Application Control and Malware Protection enabled
		- Routing Protocols: Static routes, OSPF, BGP
		- High Availability Configurations Active-Active, Active-Passive
	Bảo hành	3 năm
2	Cân bằng tải DMZ	
	Form Factor	1 U
	Bộ nhớ trong (RAM)	≥ 32GB
	Ổ cứng	Tối thiểu 240GB; có khả năng mở rộng đến 2TB
	Cổng mạng	8 x 1GE (có khả năng mở rộng đến 16 cổng 1GE), 4 x 10GE SFP+.
	Nguồn	AC
	Tính năng	- Hỗ trợ Load Balancing gồm cả Layer 4 và Layer 7
		- Hỗ trợ các cơ chế cân bằng tải sau: Round Robin, Weighted Round Robin, Least Connection, Weighted Least Connection, Layer 7 Content Switching
		- Thông lượng L4/L7: ≥ 15 Gbps
		- Layer 4 CPS: ≥ 600K
		- Layer 7 CPS: ≥ 260K
		- L4 Concurrent Connection: ≥ 35M
		- SSL transaction /second (2K Keys): ≥ 15K
		- Bulk Encryption: ≥ 10 Gbps
		- High Availability (Active/Active hoặc Active/Passive)
		- Có khả năng hỗ trợ tính năng giảm thiểu tấn công từ chối dịch vụ DDoS
		- Hỗ trợ tính năng quản trị qua Web User Interface (WUI), SSH, RESTful,...
	Hỗ trợ tính năng	Web Application Firewall
	Bảo hành	Tối thiểu 1 năm
3	Core Switch	
	Form Factor	1 U
	Network Interface	24 x 10GbE SFP+; kèm đầy đủ module 10GE SR 2 x 100GbE QSFP28; kèm đầy đủ module 100GE 10Km
	Memory and Flash	RAM ≥ 4GB Storage ≥ 16GB Storage
	Hiệu năng	Switching capacity: ≥ 1080 Gbps Forwarding rate: ≥ 803 Mpps

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật
		Maximum MAC addresses: ≥ 100000
	Nguồn	AC redundant
	Tính năng Layer 2	- Hỗ trợ VLAN và giao thức 802.1q - Hỗ trợ STP, RSTP, MSTP - Security: MAC limiting; IP source guard; Static ARP; Persistent MAC. Hỗ trợ tính năng Virtual Chassis
	Tính năng Layer 3	- Hỗ trợ ARP, DHCP, DNS - Hỗ trợ Policy Routing - Hỗ trợ Static, OSPF, BGP - Hỗ trợ Virtual Router Redundancy Protocol (VRRP)
	Tính năng Security	Hỗ trợ ACL, RADIUS, TACACS+
	Bảo hành	3 năm
4	Máy chủ ảo hóa	
	Kiểu dáng	Rackmount
	Kích thước	$\leq 2U$
	Bộ xử lý trung tâm	2x CPU: tốc độ tối thiểu 2.2GHz; số lượng core tối thiểu 16 Core/ CPU
	Bộ nhớ trong	Các thanh RAM bằng nhau; tổng dung lượng tối thiểu 128GB Hỗ trợ mở rộng: ≥ 32 slots Hỗ trợ tổng dung lượng $\geq 8TB$ Hỗ trợ công nghệ bộ nhớ RDIMM
	Ổ cứng	Tối thiểu 3 x 960GB SSD Hỗ trợ khả năng mở rộng bộ lưu trữ: 08 slot ổ cứng Hỗ trợ các loại ổ đĩa: SATA, SAS, NVMe
	Card điều khiển ổ cứng	Bộ nhớ đệm Cache $\geq 4GB$ Hỗ trợ các mức RAID sau: 0, 1, 5, 6, 10, 50, 60, Hỗ trợ cả RAID mode và Non-RAID mode
	I/O slots	Hỗ trợ tối đa 3 khe cắm PCIe 4.0 hoặc cao hơn 4 cổng giao tiếp mạng chuẩn 1GbE 2 cổng giao tiếp mạng chuẩn 10GbE, kèm transceiver 10GE SR 2 cổng kết nối lưu trữ tốc độ tối thiểu 16Gb FC
	Cổng kết nối	1GbE dedicated management port Có sẵn tối thiểu 03 cổng USB. Có sẵn tối thiểu 01 cổng VGA
	Quản trị	Quản trị qua giao diện web, có cổng quản trị riêng, hỗ trợ tắt bật máy chủ từ xa.
		Có phần mềm quản lý server: có thể quản lý đến 5000 server, cài đặt tự động theo template
	Công nghệ bảo mật	Silicon Root of Trust; Secure erasure; TPM 1.2 (hoặc cao hơn), System lock.
	Hệ thống nguồn	Tối thiểu 02 nguồn xoay chiều $\geq 1300W$ Platinum, hỗ trợ hoạt động dự phòng, thay thế nóng
	Hỗ trợ các hệ điều hành	Windows Server; Vmware; Red Hat Enterprise Linux (RHEL); SUSE Linux Enterprise Server (SLES); Ubuntu.
	Bảo hành	3 năm
5	Máy chủ Env-App vật lý	
	Kiểu dáng	Rackmount

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật
	Kích thước	≤2U
	Bộ xử lý trung tâm	2x CPU: tốc độ tối thiểu 2.2GHz; số lượng core tối thiểu 16 Core/ CPU
	Bộ nhớ trong	Các thanh RAM bằng nhau; tổng dung lượng tối thiểu 128GB Hỗ trợ mở rộng: ≥32 slots Hỗ trợ tổng dung lượng ≥8TB Hỗ trợ công nghệ bộ nhớ RDIMM
	Ổ cứng	Tối thiểu 2x 480 GB SSD. Hỗ trợ khả năng mở rộng bộ lưu trữ: 08 slot ổ cứng Hỗ trợ các loại ổ đĩa: SATA, SAS, NVMe
	Card điều khiển ổ cứng	Bộ nhớ đệm Cache ≥ 4GB Hỗ trợ các mức RAID sau: 0, 1, 5, 6, 10, 50, 60, Hỗ trợ cả RAID mode và Non-RAID mode
	I/O slots	Hỗ trợ tối đa 3 khe cắm PCIe 4.0 hoặc cao hơn 4 cổng giao tiếp mạng chuẩn 1GbE 2 cổng giao tiếp mạng chuẩn 10GbE, kèm transceiver 10GE SR 2 cổng kết nối lưu trữ tốc độ tối thiểu 16Gb FC
	Cổng kết nối	1GbE dedicated management port Có sẵn tối thiểu 03 cổng USB. Có sẵn tối thiểu 01 cổng VGA
	Quản trị	Quản trị qua giao diện web, có cổng quản trị riêng, hỗ trợ tắt bật máy chủ từ xa.
		Có phần mềm quản lý server: có thể quản lý đến 5000 server, cài đặt tự động theo template
	Công nghệ bảo mật	Silicon Root of Trust; Secure erasure; TPM 1.2 (hoặc cao hơn), System lock.
	Hệ thống nguồn	Tối thiểu 02 nguồn xoay chiều ≥1300W Platinum, hỗ trợ hoạt động dự phòng, thay thế nóng
	Hỗ trợ các hệ điều hành	Windows Server; Vmware; Red Hat Enterprise Linux (RHEL); SUSE Linux Enterprise Server (SLES); Ubuntu.
	Bảo hành	3 năm
6	Máy chủ CSDL vật lý	
	Kiểu dáng	Rackmount
	Kích thước	≤2U
	Bộ xử lý trung tâm	2x CPU: tốc độ tối thiểu 2.2GHz; số lượng core tối thiểu 16 Core/ CPU
	Bộ nhớ trong	Các thanh RAM bằng nhau; tổng dung lượng tối thiểu 128GB Hỗ trợ mở rộng: ≥32 slots Hỗ trợ tổng dung lượng ≥8TB Hỗ trợ công nghệ bộ nhớ RDIMM
	Ổ cứng	Tối thiểu 2x 480 GB SSD. Hỗ trợ khả năng mở rộng bộ lưu trữ: 08 slot ổ cứng Hỗ trợ các loại ổ đĩa: SATA, SAS, NVMe
	Card điều khiển ổ cứng	Bộ nhớ đệm Cache ≥ 4GB Hỗ trợ các mức RAID sau: 0, 1, 5, 6, 10, 50, 60, Hỗ trợ cả RAID mode và Non-RAID mode
	I/O slots	Hỗ trợ tối đa 3 khe cắm PCIe 4.0 hoặc cao hơn 4 cổng giao tiếp mạng chuẩn 1GbE

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật
		2 cổng giao tiếp mạng chuẩn 10GbE, kèm transceiver 10GE SR
		2 cổng kết nối lưu trữ tốc độ tối thiểu 16Gb FC
	Cổng kết nối	1GbE dedicated management port
		Có sẵn tối thiểu 03 cổng USB.
		Có sẵn tối thiểu 01 cổng VGA
	Quản trị	Quản trị qua giao diện web, có cổng quản trị riêng, hỗ trợ tắt bật máy chủ từ xa.
		Có phần mềm quản lý server: có thể quản lý đến 5000 server, cài đặt tự động theo template
	Công nghệ bảo mật	Silicon Root of Trust; Secure erasure; TPM 1.2 (hoặc cao hơn), System lock.
	Hệ thống nguồn	Tối thiểu 02 nguồn xoay chiều $\geq 1300W$ Platinum, hỗ trợ hoạt động dự phòng, thay thế nóng
	Hỗ trợ các hệ điều hành	Windows Server; Vmware; Red Hat Enterprise Linux (RHEL); SUSE Linux Enterprise Server (SLES); Ubuntu.
	Bảo hành	3 năm
7	Thiết bị lưu trữ	
	Form factor	Rackmount
	Controller	2 bộ điều khiển song hành, làm việc ở chế độ Active-active
	Total cache/memory	24GB/system
	Ổ cứng	Tối thiểu 8x1.92TB SSD SAS
	Khả năng mở rộng dung lượng	Hỗ trợ mở rộng đến tối đa 270 ổ cứng
	Host FC connections	4 port FC tốc độ tối thiểu 16Gbps
	Giao diện quản trị	Web-based interface, REST API, CLI hoặc tương đương
	Các tính năng có sẵn	Hỗ trợ RAID 1, 5, 6 hoặc tương đương
		Thin Provisioning
		Auto tiering
		Hỗ trợ chức năng Snapshot đến 1000 bản.
		Replication
	Interface support	FC, iSCSI, SAS
	Support Virtualization/OS	Microsoft® Windows® Server, VMware vSphere/ESXi, SUSE Linux, Red Hat Enterprise Linux
	Hệ thống nguồn	Tối thiểu 02 nguồn xoay chiều, hỗ trợ hoạt động dự phòng
	Bảo hành	3 năm
8	Thiết bị chuyển mạch lưu trữ	
	Interface	8 port, tốc độ tối thiểu 16Gb/s active
	Cổng quản lý	RJ-45, Serial port, USB port
	Nguồn	AC
	Tính năng	Hỗ trợ các tính năng quản trị: Advanced Web Tools, SSH, CLI, RESTful API, HTTP, SNMP
		Hỗ trợ tính năng Fabric Vision
		Hỗ trợ các tính năng security: HTTPS, IP filtering, Port Binding
	Bảo hành	3 năm
9	Phần mềm ảo hóa	VMware vSphere Foundation 1-Year

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật
10	Giải pháp phòng chống mã độc cho máy chủ	
	Tính năng	+ Hỗ trợ các hệ điều hành phổ biến: Linux, Window, CentOS, Redhat, Ubuntu.
		+ Bảo vệ các máy chủ và ứng dụng.
		+ Tự động phòng chống mã độc (antivirus)
		+ Phát hiện và chặn các mối đe dọa trong thời gian thực.
		+ Phát hiện và ngăn chặn việc thực thi phần mềm trái phép.
		+ Hỗ trợ cho các cán bộ đảm nhiệm công tác ATTT: Gửi cảnh báo và kích hoạt biện pháp phòng ngừa chủ động.
		+ Quản lý tập trung
		+ Chế độ tự động cập nhật
	Support	- Hỗ trợ cài đặt và triển khai ban đầu
		- Cập nhật cơ sở dữ liệu và nâng cấp phiên bản phần mềm (nếu có)
	Bản quyền và hỗ trợ kỹ thuật	01 năm
11	Giải pháp giám sát mạng cho hệ thống	
	Tính năng	Là giải pháp giám sát mạnh mẽ, có khả năng theo dõi hoạt động của hạ tầng mạng, thiết bị, dịch vụ, máy chủ và lưu lượng mạng trong thời gian thực:
		- Có thể được triển khai trên các hệ thống để giám sát hiệu suất của NoC và các thành phần hạ tầng mạng, từ đó phát hiện sớm các vấn đề về băng thông, độ trễ, và khả năng truyền thông giữa các nút mạng.
		- Cơ chế cảnh báo và theo dõi: Phần mềm giám sát cung cấp cơ chế cảnh báo tự động thông qua email, hoặc giao diện web khi có sự cố xảy ra (chẳng hạn như mất kết nối, lỗi truyền thông, hoặc quá tải tài nguyên).
		- Phân tích hiệu suất: Hỗ trợ phân tích hiệu suất của toàn bộ hệ thống, giúp cải thiện dịch vụ bằng cách tối ưu hóa các yếu tố như độ trễ và hiệu quả sử dụng băng thông.
		- Cài đặt: Cài đặt phần mềm giám sát trên máy chủ để giám sát hạ tầng mạng.
		- Cấu hình thông báo cảnh báo: Thiết lập thông báo cảnh báo dựa trên các chỉ số hiệu suất quan trọng như CPU, RAM, băng thông, độ trễ giữa các thiết bị mạng.
		- Giám sát thời gian thực: Theo dõi các chỉ số mạng thời gian thực như lưu lượng, sử dụng tài nguyên hệ thống, và số lượng kết nối để đảm bảo chất lượng dịch vụ liên tục.
	Năng lực	Hỗ trợ giám sát đến 25 node.
	Bản quyền và hỗ trợ kỹ thuật	01 năm

1.3. Yêu cầu về khối lượng công tác lắp đặt, cài đặt các thiết bị, giải pháp hạ tầng

TT	Mô tả	Số lượng
I	Thiết bị mạng và bảo mật	
1	Tường Lửa	2 Thiết bị
2	Cân bằng tải	2 Thiết bị
3	Core Switch	2 Thiết bị
II	Máy chủ	
1	Máy chủ ảo hóa	2 Thiết bị
2	Máy chủ App vật lý	2 Thiết bị
3	Máy chủ Database vật lý	2 Thiết bị
III	Hệ thống lưu trữ (SAN)	
1	SAN Storage	1 Thiết bị
2	SAN Switch	2 Thiết bị
IV	Bản quyền phần mềm thương mại	
1	Phần mềm ảo hóa	72 Bản quyền
V	Giải pháp cho hệ thống	
1	Phòng chống mã độc cho máy chủ	24 Bản quyền
2	Giám sát mạng cho hệ thống	1 Bản quyền

1.4. Yêu cầu về đào tạo, hướng dẫn sử dụng, quản trị, vận hành

a) Mục tiêu đào tạo

Đối với hạng mục triển khai, vận hành hạ tầng kỹ thuật, sẽ tổ chức các khóa đào tạo hướng dẫn triển khai, vận hành và quản trị hệ thống cho các đối tượng là cán bộ nghiệp vụ và các đơn vị có liên quan, với số lượng ước tính theo mức độ, tình huống, quy mô dự án để đảm bảo chất lượng; sẽ được tổ chức các lớp theo bảng tổng hợp khối lượng đào tạo.

b) Nội dung đào tạo

Hạng mục	Nội dung	Chi tiết	Hình thức
Đào tạo về công tác lắp đặt thiết bị tại trung tâm DC	Các quy trình và thủ tục tại DC của nhà cung cấp dịch vụ	+ Các quy trình và thủ tục tại DC của nhà cung cấp dịch vụ + Vị trí lắp đặt của thiết bị	Tài liệu hướng dẫn do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp
	Đầu mối liên hệ	+ Đầu mối liên hệ + Phân cấp và người xử lý sự cố	Đầu mối liên hệ do nhà cung cấp dịch vụ cung cấp
Đào tạo về hướng dẫn triển khai:	Đào tạo về cài đặt máy chủ Ubuntu	Người dùng có thể cài đặt được hệ thống theo các bước hướng dẫn	Tài liệu hướng dẫn cài đặt triển khai
	Đào tạo về cài đặt hệ thống Switch Core	Người dùng có thể cài đặt được hệ thống theo các bước hướng dẫn	Tài liệu hướng dẫn cài đặt triển khai

Hạng mục	Nội dung	Chi tiết	Hình thức
	Đào tạo về cài đặt hệ thống cân bằng tải	Người dùng có thể cài đặt được hệ thống theo các bước hướng dẫn	Tài liệu hướng dẫn cài đặt triển khai
	Đào tạo về cài đặt hệ thống tường lửa	Người dùng có thể cài đặt được hệ thống theo các bước hướng dẫn	Tài liệu hướng dẫn cài đặt triển khai
	Đào tạo về cài đặt hệ thống Vmware	Người dùng có thể cài đặt được hệ thống theo các bước hướng dẫn	Tài liệu hướng dẫn cài đặt triển khai
	Đào tạo về cài đặt SAN storage, SAN switch	Người dùng có thể cài đặt được hệ thống theo các bước hướng dẫn	Tài liệu hướng dẫn cài đặt triển khai
Đào tạo về hướng dẫn Quản trị vận hành	Đào tạo về quản trị, vận hành hệ thống tường lửa	- Cấu hình thiết bị - Cài đặt chính sách - Monitor thiết bị - Quy trình xử lý sự cố	- Tài liệu hướng dẫn vận hành - Tranning kỹ thuật của khách hàng
	Đào tạo về quản trị, vận hành hệ thống Switch	- Cấu hình thiết bị - Monitor thiết bị - Quy trình xử lý sự cố	- Tài liệu hướng dẫn vận hành - Tranning on site tại khách hàng
	Đào tạo về quản trị, vận hành hệ thống Vmware	- Cấu hình và vận hành hệ thống VMware - Monitor hệ thống VMware - Quy trình xử lý sự cố	- Tài liệu hướng dẫn vận hành - Tranning on site tại khách hàng
	Đào tạo về quản trị, vận hành hệ thống Cân bằng tải	- Cấu hình thiết bị - Cài đặt chính sách - Monitor thiết bị - Quy trình xử lý sự cố	- Tài liệu hướng dẫn vận hành - Training on site tại khách hàng
	Đào tạo về quản trị, vận hành hệ thống máy chủ Ubuntu	- Cấu hình và vận hành hệ thống máy chủ - Monitor hệ thống - Quy trình xử lý sự cố	- Tài liệu hướng dẫn vận hành - Training on site tại khách hàng

c) Phương pháp đào tạo

Việc triển khai công tác đào tạo phải tuân thủ quá trình sau:

- Chuẩn bị đào tạo:
 - + Lập kế hoạch đào tạo chi tiết cho các cán bộ quản trị.
 - + Chuẩn bị nội dung và tài liệu đào tạo.
 - + Thống nhất về kế hoạch và nội dung đào tạo.
 - + Chuẩn bị phòng đào tạo (bao gồm văn phòng phẩm, nước uống,...).
 - + Chuẩn bị trang thiết bị (máy tính, máy chiếu, ...).
 - + Cài đặt máy móc, thiết bị và phần mềm phục vụ học tập và giảng dạy.
- Thực hiện đào tạo:
 - + Khai giảng khoá đào tạo.
 - + Truyền đạt nội dung kiến thức và thực hành theo kế hoạch đào tạo.

- + Hỗ trợ giải đáp cho học viên.
- + Quản lý trong quá trình đào tạo.
- Tổng kết đào tạo:
- + Kiểm tra kết thúc khóa đào tạo.
- + Thu thập ý kiến học viên về chất lượng và nội dung khóa đào tạo.
- + Tổng kết thúc khóa đào tạo.
- d) Khối lượng đào tạo
- Thời gian đào tạo: 02 buổi
- Số lượng lớp:

Hạng mục	Nội dung	Số lớp	Số người
Đào tạo về hướng dẫn triển khai	Đào tạo về cài đặt máy chủ Ubuntu	1	10
	Đào tạo về cài đặt hệ thống Switch Core		
	Đào tạo về cài đặt hệ thống cân bằng tải		
	Đào tạo về cài đặt hệ thống tường lửa		
	Đào tạo về cài đặt hệ thống Vmware		
	Đào tạo về cài đặt SAN storage, SAN switch		
Đào tạo về hướng dẫn Quản trị vận hành	Đào tạo về quản trị, vận hành hệ thống tường lửa	1	10
	Đào tạo về quản trị, vận hành hệ thống Switch		
	Đào tạo về quản trị, vận hành hệ thống Vmware		
	Đào tạo về quản trị, vận hành hệ thống Cân bằng tải		
	Đào tạo về quản trị, vận hành hệ thống máy chủ Ubuntu		

1.5. Các yêu cầu khác

1.5.1. Yêu cầu về giải pháp triển khai:

ĐVCC cung cấp tài liệu trình bày giải pháp triển khai trong đó có các nội dung:

- Giải pháp kỹ thuật chứng minh các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật của hàng hóa do ĐVCG đề xuất đáp ứng các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật của hàng hóa nêu trong Hồ sơ mời chào giá;

- ĐVCC trình bày phương pháp luận và giải pháp thực hiện cho các nội dung sau:

- + Nêu và trình bày phương án lắp đặt, cài đặt, cấu hình tích hợp thiết bị mới mà không làm gián đoạn hệ thống và đảm bảo vận hành ổn định liên tục hệ thống hiện có;
- + Nêu và trình bày phương án kiểm thử hoạt động thiết bị sau khi cài đặt;
- + Nêu và trình bày phương án quản trị, vận hành thiết bị;

- ĐVCC trình bày phương án bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, xử lý sự cố (nếu có) của thiết bị trong thời gian bảo hành và quy trình bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, xử lý sự cố.

1.5.2. Yêu cầu về dịch vụ bảo hành và hỗ trợ sau triển khai

ĐVCC phải có cam kết tuân thủ các yêu cầu về dịch vụ bảo hành và hỗ trợ sau triển khai:

- Hàng hóa cung cấp được bảo hành chính hãng cho toàn bộ thiết bị tại đơn vị sử dụng.

- Tiếp nhận yêu cầu bảo hành: 24x7: 24giờ/ngày x 7ngày/tuần.

- Thời gian đáp ứng đối với yêu cầu bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật: Kể từ khi nhận được thông báo yêu cầu bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật, Bên cung cấp dịch vụ phải đảm bảo:

+ Trong vòng 4 giờ phải thực hiện kiểm tra thiết bị, xác định nguyên nhân lỗi và thực hiện các biện pháp để xử lý;

+ Trong vòng 30 ngày (không tính thứ 7, chủ nhật và ngày nghỉ lễ, tết theo quy định) từ khi hai bên xác nhận lỗi đối với thiết bị cần thay thế (bảo hành), phải thực hiện thay thế cấu phần hoặc thiết bị (tại đơn vị sử dụng).

+ Trường hợp bất khả kháng (trường hợp lỗi phát sinh chưa từng xảy ra và chưa có giải pháp xử lý của hãng, lỗi liên quan phải nâng cấp ứng dụng, thay đổi nghiệp vụ, chính sách) sẽ được trao đổi, thống nhất giữa hai bên.

- Trong trường hợp không khắc phục được sự cố cho các thiết bị, đơn vị cung cấp có trách nhiệm thay thế thiết bị hư hỏng bằng thiết bị mới có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn.

1.5.3. Yêu cầu về an toàn thông tin:

- ĐVCC phải có cam kết tuân thủ các quy định về an toàn thông tin của Khách hàng trong quá trình triển khai, thực hiện.

- ĐVCC chịu mọi trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động, đảm bảo chống cháy nổ trong quá trình triển khai.

1.5.4. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

- Thời gian thực hiện hợp đồng (không tính thời gian bàn hành): 165 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- ĐVCC có bảng tiến độ chi tiết thể hiện được nội dung công việc, thời gian thực hiện của từng công việc theo yêu cầu của Bên mua phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng mà ĐVCC đề xuất.

Mục 2. Bản vẽ

Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Kiểm đếm số lượng, kiểm tra tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá, kiểm tra chi tiết về thông số kỹ thuật của toàn bộ hàng hóa trước khi bàn giao.

- ĐVCC chịu hoàn toàn chi phí thuê đơn vị có chức năng để kiểm tra, đánh giá chất lượng hàng hóa trước khi bàn giao khi có yêu cầu của Bên mua (trong trường hợp có nghi ngờ về chất lượng hàng hóa).

- Trường hợp hàng hóa không đảm bảo chất lượng hoặc không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hợp đồng thì Bên mua có quyền từ chối hàng hóa và ĐVCC phải có trách nhiệm thu hồi, thay thế hàng hóa để đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu của hợp đồng.

Trường hợp ĐVCC không có khả năng thay thế hàng hóa đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu của hợp đồng, Bên mua có quyền tổ chức việc thay thế nếu thấy cần thiết, toàn bộ rủi ro và chi phí liên quan do ĐVCC chịu.

- Khi nghiệm thu, ĐVCC phải cung cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo đúng xuất xứ ghi trong hợp đồng. Trường hợp ĐVCC bàn giao hàng hóa có xuất xứ khác xuất xứ nêu trong hợp đồng nhưng có thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật trong hợp đồng, giá không đổi thì Bên mua sẽ xem xét chấp nhận.

III. Địa điểm và thời gian thực hiện

Đơn vị cung cấp phải có cam kết tuân thủ hoặc đề xuất tiến độ thực hiện đáp ứng yêu cầu như sau:

- Thời gian thực hiện:
 - Thời gian giao hàng hóa phần cứng: 135 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
 - Thời gian giao hàng hóa phần mềm: 165 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
 - Thời gian hoàn thành triển khai dịch vụ: 165 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
- Địa điểm triển khai: Thành phố Hà Nội

IV. Yêu cầu về năng lực kinh nghiệm

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ	Tài liệu cần nộp
Số TT	Mô tả	Yêu cầu		
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽¹⁾ đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá, đơn vị không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của đơn vị cung cấp (ĐVCC) ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 02
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm chào giá.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Có tài liệu chứng minh
3	Năng lực tài chính			
3.1	Kết quả hoạt động tài chính	Đơn vị kê khai số liệu tài chính theo báo cáo tài chính từ năm 2022 đến năm 2024 để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của đơn vị Giá trị tài sản ròng của đơn vị trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm chào giá phải dương (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản – Tổng nợ).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 03

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ	Tài liệu cần nộp
Số TT	Mô tả	Yêu cầu		
3.2	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế GTGT)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) tối thiểu trong vòng 03 năm trở lại đây (tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022) (Năm 2022, 2023, 2024) là 16.088.356.292 đồng.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 03
4	Hợp đồng tương tự do đơn vị chào giá thực hiện	Đơn vị đã hoàn thành tối thiểu một hợp đồng tương tự với tư cách là ĐVCC chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc ĐVCC phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm nộp hồ sơ chào giá. Trong đó hợp đồng tương tự là hợp đồng: - Có tính chất tương tự: Hợp đồng có hạng mục cung cấp hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực, chủng loại: Cung cấp hạ tầng, thiết bị CNTT - Đã hoàn thành, có quy mô (giá trị) tối thiểu: 5.362.785.430 đồng.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 04
5	Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác	Đơn vị cung cấp phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây: - Đơn vị cung cấp cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của Yêu cầu chào giá. - Đơn vị cung cấp ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì hoặc theo yêu cầu của Yêu cầu chào giá.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết của ĐVCC hoặc hợp đồng nguyên tắc

Ghi chú:

(1). Thời gian yêu cầu từ 01/01/2022 đến thời điểm chào giá.

(2) Hợp đồng không hoàn thành do lỗi của đơn vị cung cấp (ĐVCC) bao gồm:

- Hợp đồng bị Bên A kết luận ĐVCC không hoàn thành và ĐVCC không phản đối

- Hợp đồng bị Bên A kết luận ĐVCC không hoàn thành, không được ĐVCC chấp thuận nhưng đã được Trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho ĐVCC

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà ĐVCC đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của ĐVCC nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Chương III: CÁC BIỂU MẪU KÈM THEO

Mẫu số 01

BẢNG CHÀO GIÁ

Kính gửi: Ban Kinh doanh Giải pháp CNTT – Chi nhánh Công ty Công nghệ thông tin VNPT.

Chúng tôi xin gửi bảng chào giá “Cung cấp thiết bị hạ tầng phần cứng và lắp đặt, cài đặt phục vụ quản lý hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân”, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Danh mục hàng hóa, dịch vụ	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Trước thuế)	Thành tiền (Trước thuế)	Thuế phí, lệ phí liên quan	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Thuế VAT		Thành tiền sau thuế, phí
														Thuế suất	Tiền thuế	
I	Danh mục hàng hóa															
1	Firewall Internet							Bộ	2							
2	Cân bằng tải DMZ							Bộ	2							
3	Core Switch							Bộ	2							
4	Máy chủ ảo hóa							Bộ	2							

5	Máy chủ Env-App vật lý									Bộ	2								
6	Máy chủ CSDL vật lý									Bộ	2								
7	Thiết bị lưu trữ									Bộ	1								
8	Thiết bị chuyển mạch lưu trữ									Bộ	2								
9	Phần mềm ảo hóa									Bản quyền	72								
10	Giải pháp phòng chống mã độc cho máy chủ									Bản quyền	24								
11	Giải pháp giám sát mạng cho hệ thống									Bản quyền	1								
II	Danh mục dịch vụ																		
1	Dịch vụ lắp đặt, cài đặt										Gói	1							
Tổng cộng giá chào:																			
Số tiền bằng chữ:																			

Ghi chú:

- Đơn giá chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện các công việc nêu trong yêu cầu chào giá, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi chào giá đơn vị chào giá chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày nộp hồ sơ chào giá;

- Hiệu lực của Hồ sơ chào giá: Thời gian có hiệu lực của hồ sơ chào giá tối thiểu là 130 ngày, kể từ ngày 25/11/2025;
- Điều khoản thanh toán: Được thực hiện khi thương thảo hợp đồng;
- Thời gian thực hiện hợp đồng (không bao gồm thời gian bảo hành): 165 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Trong đó:

- Thời gian giao hàng hóa phần cứng: 135 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Thời gian giao hàng hóa phần mềm: 165 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Thời gian hoàn thành triển khai dịch vụ: 165 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

....., Ngày tháng năm 2025
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ

Tên đơn vị: _____
Ngày: _____

☐ Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không hoàn thành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm chào giá.			
☐ Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm chào giá.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

Đơn vị chào giá phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời chào giá phát hiện bất cứ đơn vị chào giá nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và Hồ sơ chào giá sẽ bị loại.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ

Tên đơn vị: _____

Ngày: _____

	Năm tài chính của đơn vị từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm cả thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽¹⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

Ghi chú:

(1) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), Đơn vị chào giá chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của YCCG.

Trường hợp Đơn vị chào giá mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của YCCG thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà Đơn vị chào giá có số liệu tài chính.

Đơn vị chào giá phải chuẩn bị các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của Đơn vị chào giá hoặc thành viên liên danh (nếu là liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với Đơn vị chào giá hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:
- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
 - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
 - Tài liệu chứng minh việc Đơn vị chào giá đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
 - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
 - Báo cáo kiểm toán (nếu có);
 - Các tài liệu khác

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên đơn vị: ____ [ghi tên đầy đủ của đơn vị]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
E-mail:			
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2 Chương II			
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin trong hợp đồng]		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]		
3. Về quy mô thực hiện	[ghi thông tin theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các thông tin khác (nếu có)]		

Đơn vị phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Thông tin về lý lịch, kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự trong HSBG]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

....., Ngày tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

Handwritten signature/initials

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/dự toán mua sắm/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2	...			
...				

Ngày tháng năm 2025
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

BẢNG TUYÊN BỐ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU KỸ THUẬT

Kính gửi: Ban Kinh doanh Giải pháp CNTT – Chi nhánh Công ty Công nghệ thông tin VNPT

Sau khi xem xét hồ sơ yêu cầu chào giá của Quý Ban, chúng tôi, Công ty....tuyên bố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về việc “Cung cấp thiết bị hạ tầng phần cứng và lắp đặt, cài đặt phục vụ quản lý hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân” như sau:

1. Yêu cầu về kỹ thuật
- 1.1. Yêu cầu kỹ thuật chung: Cam kết
- 1.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Tuyên bố đáp ứng (Đơn vị chào giá ghi rõ đáp ứng/không đáp ứng)	Dẫn chứng tài liệu tham chiếu
I	HẠNG MỤC					
1	Firewall Internet		2	Bộ		
	Form rack	1U				
	Ổ cứng (Local Storage)	120GB SSD				
	Interface	- Tối thiểu 12 × 1GE RJ-45 ports; mở rộng được đến 16 cổng 1GE RJ-45. - 4 × SFP+ port - 1 × Console Port				
	Threat Prevention	≥ 6Gbps				
	Next Generation Firewall	≥ 8 Gbps				
	VPN Throughput	≥ 5.5 Gbps				

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Tuyên bố đáp ứng (Đơn vị chào giá ghi rõ đáp ứng/không đáp ứng)	Dẫn chứng tài liệu tham chiếu
	Connections per Second	≥ 90000				
	Concurrent Connections	≥ 2000000				
	Nguồn	AC redundant				
	Tính năng	- Firewall, IPS, Application Control and Malware Protection enabled				
		- Routing Protocols: Static routes, OSPF, BGP				
		- High Availability Configurations Active-Active, Active-Passive				
	Bảo hành	3 năm				
2	Cân bằng tải DMZ		2	Bộ		
	Form Factor	1 U				
	Bộ nhớ trong (RAM)	$\geq 32GB$				
	Ổ cứng	Tối thiểu 240GB; có khả năng mở rộng đến 2TB				
	Cổng mạng	8 x 1GE (có khả năng mở rộng đến 16 cổng 1GE), 4 x 10GE SFP+.				
	Nguồn	AC				
	Tính năng	- Hỗ trợ Load Balancing gồm cả Layer 4 và Layer 7				
		- Hỗ trợ các cơ chế cân bằng tải sau: Round Robin, Weighted Round Robin, Least Connection, Weighted Least Connection, Layer 7 Content Switching				
		- Thông lượng L4/L7: ≥ 15 Gbps				

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Tuyên bố đáp ứng (Đơn vị chào giá ghi rõ đáp ứng/không đáp ứng)	Dẫn chứng tài liệu tham chiếu
		- Layer 4 CPS: $\geq 600K$				
		- Layer 7 CPS: $\geq 260K$				
		- L4 Concurrent Connection: $\geq 35M$				
		- SSL transaction /second (2K Keys): $\geq 15K$				
		- Bulk Encryption: ≥ 10 Gbps				
		- High Availability (Active/Active hoặc Active/Passive)				
		- Có khả năng hỗ trợ tính năng giảm thiểu tấn công từ chối dịch vụ DDoS				
		- Hỗ trợ tính năng quản trị qua Web User Interface (WUI), SSH, RESTful,...				
	Hỗ trợ tính năng	Web Application Firewall				
	Bảo hành	Tối thiểu 1 năm				
3	Core Switch		2	Bộ		
	Form Factor	1 U				
	Network Interface	24 x 10GbE SFP+; kèm đầy đủ module 10GE SR				
		2 x 100GbE QSFP28; kèm đầy đủ module 100GE 10Km				
	Memory and Flash	RAM $\geq 4GB$				
		Storage $\geq 16GB$ Storage				
	Hiệu năng	Switching capacity: ≥ 1080 Gbps				
		Forwarding rate: ≥ 803 Mpps				
		Maximum MAC addresses: ≥ 100000				
	Nguồn	AC redundant				
	Tính năng Layer 2	- Hỗ trợ VLAN và giao thức 802.1q				
		- Hỗ trợ STP, RSTP, MSTP				

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Tuyên bố đáp ứng (Đơn vị chào giá ghi rõ đáp ứng/không đáp ứng)	Dẫn chứng tài liệu tham chiếu
		- Security: MAC limiting; IP source guard; Static ARP; Persistent MAC.				
		Hỗ trợ tính năng Virtual Chassis				
	Tính năng Layer 3	- Hỗ trợ ARP, DHCP, DNS				
		- Hỗ trợ Policy Routing				
		- Hỗ trợ Static, OSPF, BGP				
		- Hỗ trợ Virtual Router Redundancy Protocol (VRRP)				
	Tính năng Security	Hỗ trợ ACL, RADIUS, TACACS+				
	Bảo hành	3 năm				
4	Máy chủ ảo hóa		2	Bộ		
	Kiểu dáng	Rackmount				
	Kích thước	≤2U				
	Bộ xử lý trung tâm	2x CPU: tốc độ tối thiểu 2.2GHz; số lượng core tối thiểu 16 Core/ CPU				
	Bộ nhớ trong	Các thanh RAM bằng nhau; tổng dung lượng tối thiểu 128GB				
		Hỗ trợ mở rộng: ≥32 slots				
		Hỗ trợ tổng dung lượng ≥8TB				
		Hỗ trợ công nghệ bộ nhớ RDIMM				
	Ổ cứng	Tối thiểu 3 x 960GB SSD				
		Hỗ trợ khả năng mở rộng bộ lưu trữ: 08 slot ổ cứng				
		Hỗ trợ các loại ổ đĩa: SATA, SAS, NVMe				
	Card điều khiển ổ cứng	Bộ nhớ đệm Cache ≥ 4GB				
		Hỗ trợ các mức RAID sau: 0, 1, 5, 6, 10, 50, 60,				
		Hỗ trợ cả RAID mode và Non-RAID mode				

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Tuyên bố đáp ứng (Đơn vị chào giá ghi rõ đáp ứng/không đáp ứng)	Dẫn chứng tài liệu tham chiếu
	I/O slots	Hỗ trợ tối đa 3 khe cắm PCIe 4.0 hoặc cao hơn				
		4 cổng giao tiếp mạng chuẩn 1GbE				
		2 cổng giao tiếp mạng chuẩn 10GbE, kèm transceiver 10GE SR				
		2 cổng kết nối lưu trữ tốc độ tối thiểu 16Gb FC				
	Cổng kết nối	1GbE dedicated management port				
		Có sẵn tối thiểu 03 cổng USB.				
		Có sẵn tối thiểu 01 cổng VGA				
	Quản trị	Quản trị qua giao diện web, có cổng quản trị riêng, hỗ trợ tắt bật máy chủ từ xa.				
		Có phần mềm quản lý server: có thể quản lý đến 5000 server, cài đặt tự động theo template				
	Công nghệ bảo mật	Silicon Root of Trust; Secure erasure; TPM 1.2 (hoặc cao hơn), System lock.				
	Hệ thống nguồn	Tối thiểu 02 nguồn xoay chiều $\geq 1300W$ Platinum, hỗ trợ hoạt động dự phòng, thay thế nóng				
	Hỗ trợ các hệ điều hành	Windows Server; Vmware; Red Hat Enterprise Linux (RHEL); SUSE Linux Enterprise Server (SLES); Ubuntu.				
	Bảo hành	3 năm				
5	Máy chủ Env-App vật lý		2	Bộ		
	Kiểu dáng	Rackmount				

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Tuyên bố đáp ứng (Đơn vị chào giá ghi rõ đáp ứng/không đáp ứng)	Dẫn chứng tài liệu tham chiếu
	Kích thước	≤2U				
	Bộ xử lý trung tâm	2x CPU: tốc độ tối thiểu 2.2GHz; số lượng core tối thiểu 16 Core/ CPU				
	Bộ nhớ trong	Các thanh RAM bằng nhau; tổng dung lượng tối thiểu 128GB				
		Hỗ trợ mở rộng: ≥32 slots				
		Hỗ trợ tổng dung lượng ≥8TB				
		Hỗ trợ công nghệ bộ nhớ RDIMM				
	Ổ cứng	Tối thiểu 2x 480 GB SSD.				
		Hỗ trợ khả năng mở rộng bộ lưu trữ: 08 slot ổ cứng				
		Hỗ trợ các loại ổ đĩa: SATA, SAS, NVMe				
	Card điều khiển ổ cứng	Bộ nhớ đệm Cache ≥ 4GB				
		Hỗ trợ các mức RAID sau: 0, 1, 5, 6, 10, 50, 60,				
		Hỗ trợ cả RAID mode và Non-RAID mode				
	I/O slots	Hỗ trợ tối đa 3 khe cắm PCIe 4.0 hoặc cao hơn				
		4 cổng giao tiếp mạng chuẩn 1GbE				
		2 cổng giao tiếp mạng chuẩn 10GbE, kèm transceiver 10GE SR				
		2 cổng kết nối lưu trữ tốc độ tối thiểu 16Gb FC				
	Cổng kết nối	1GbE dedicated management port				
		Có sẵn tối thiểu 03 cổng USB.				
		Có sẵn tối thiểu 01 cổng VGA				
	Quản trị	Quản trị qua giao diện web, có cổng quản trị riêng, hỗ trợ tắt bật máy chủ từ xa.				

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Tuyên bố đáp ứng (Đơn vị chào giá ghi rõ đáp ứng/không đáp ứng)	Dẫn chứng tài liệu tham chiếu
		Có phần mềm quản lý server: có thể quản lý đến 5000 server, cài đặt tự động theo template				
	Công nghệ bảo mật	Silicon Root of Trust; Secure erasure; TPM 1.2 (hoặc cao hơn), System lock.				
	Hệ thống nguồn	Tối thiểu 02 nguồn xoay chiều $\geq 1300W$ Platinum, hỗ trợ hoạt động dự phòng, thay thế nóng				
	Hỗ trợ các hệ điều hành	Windows Server; Vmware; Red Hat Enterprise Linux (RHEL); SUSE Linux Enterprise Server (SLES); Ubuntu.				
	Bảo hành	3 năm				
6	Máy chủ CSDL vật lý		2	Bộ		
	Kiểu dáng	Rackmount				
	Kích thước	$\leq 2U$				
	Bộ xử lý trung tâm	2x CPU: tốc độ tối thiểu 2.2GHz; số lượng core tối thiểu 16 Core/ CPU				
	Bộ nhớ trong	Các thanh RAM bằng nhau; tổng dung lượng tối thiểu 128GB				
		Hỗ trợ mở rộng: ≥ 32 slots				
		Hỗ trợ tổng dung lượng $\geq 8TB$				
		Hỗ trợ công nghệ bộ nhớ RDIMM				
	Ổ cứng	Tối thiểu 2x 480 GB SSD.				
		Hỗ trợ khả năng mở rộng bộ lưu trữ: 08 slot ổ cứng				
		Hỗ trợ các loại ổ đĩa: SATA, SAS, NVMe				
		Bộ nhớ đệm Cache $\geq 4GB$				

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Tuyên bố đáp ứng (Đơn vị chào giá ghi rõ đáp ứng/không đáp ứng)	Dẫn chứng tài liệu tham chiếu
	Card điều khiển ổ cứng	Hỗ trợ các mức RAID sau: 0, 1, 5, 6, 10, 50, 60, Hỗ trợ cả RAID mode và Non-RAID mode				
	I/O slots	Hỗ trợ tối đa 3 khe cắm PCIe 4.0 hoặc cao hơn 4 cổng giao tiếp mạng chuẩn 1GbE 2 cổng giao tiếp mạng chuẩn 10GbE, kèm transceiver 10GE SR 2 cổng kết nối lưu trữ tốc độ tối thiểu 16Gb FC				
	Cổng kết nối	1GbE dedicated management port Có sẵn tối thiểu 03 cổng USB. Có sẵn tối thiểu 01 cổng VGA				
	Quản trị	Quản trị qua giao diện web, có công quản trị riêng, hỗ trợ tắt bật máy chủ từ xa.				
		Có phần mềm quản lý server: có thể quản lý đến 5000 server, cài đặt tự động theo template				
	Công nghệ bảo mật	Silicon Root of Trust; Secure erasure; TPM 1.2 (hoặc cao hơn), System lock.				
	Hệ thống nguồn	Tối thiểu 02 nguồn xoay chiều $\geq 1300W$ Platinum, hỗ trợ hoạt động dự phòng, thay thế nóng				
	Hỗ trợ các hệ điều hành	Windows Server; Vmware; Red Hat Enterprise Linux (RHEL); SUSE Linux Enterprise Server (SLES); Ubuntu.				
	Bảo hành	3 năm				

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Tuyên bố đáp ứng (Đơn vị chào giá ghi rõ đáp ứng/không đáp ứng)	Dẫn chứng tài liệu tham chiếu
7	Thiết bị lưu trữ		2	Bộ		
	Form factor	Rackmount				
	Controller	2 bộ điều khiển song hành, làm việc ở chế độ Active-active				
	Total cache/memory	24GB/system				
	Ổ cứng	Tối thiểu 8x1.92TB SSD SAS				
	Khả năng mở rộng dung lượng	Hỗ trợ mở rộng đến tối đa 270 ổ cứng				
	Host FC connections	4 port FC tốc độ tối thiểu 16Gbps				
	Giao diện quản trị	Web-based interface, REST API, CLI hoặc tương đương				
	Các tính năng có sẵn	Hỗ trợ RAID 1, 5, 6 hoặc tương đương				
		Thin Provisioning				
		Auto tiering				
		Hỗ trợ chức năng Snapshot đến 1000 bản.				
		Replication				
	Interface support	FC, iSCSI, SAS				
	Support Virtualization/OS	Microsoft® Windows® Server, VMware vSphere/ESXi, SUSE Linux, Red Hat Enterprise Linux				
	Hệ thống nguồn	Tối thiểu 02 nguồn xoay chiều, hỗ trợ hoạt động dự phòng				
	Bảo hành	3 năm				
8	Thiết bị chuyển		2	Bộ		

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Tuyên bố đáp ứng (Đơn vị chào giá ghi rõ đáp ứng/không đáp ứng)	Dẫn chứng tài liệu tham chiếu
	mạch lưu trữ					
	Interface	8 port, tốc độ tối thiểu 16Gb/s active				
	Cổng quản lý	RJ-45, Serial port, USB port				
	Nguồn	AC				
	Tính năng	Hỗ trợ các tính năng quản trị: Advanced Web Tools, SSH, CLI, RESTful API, HTTP, SNMP				
		Hỗ trợ tính năng Fabric Vision				
		Hỗ trợ các tính năng security: HTTPS, IP filtering, Port Binding				
	Bảo hành	3 năm				
9	Phần mềm ảo hóa	VMware vSphere Foundation 1-Year	72	Bản quyền		
10	Giải pháp phòng chống mã độc cho máy chủ		24	Bản quyền		
	Tính năng	+ Hỗ trợ các hệ điều hành phổ biến: Linux, Window, CentOS, Redhat, Ubuntu.				
		+ Bảo vệ các máy chủ và ứng dụng.				
		+ Tự động phòng chống mã độc (antivirus)				
		+ Phát hiện và chặn các mối đe dọa trong thời gian thực.				
		+ Phát hiện và ngăn chặn việc thực thi phần mềm trái phép.				
		+ Hỗ trợ cho các cán bộ đảm nhiệm công tác ATTT: Gửi				

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Tuyên bố đáp ứng (Đơn vị chào giá ghi rõ đáp ứng/không đáp ứng)	Dẫn chứng tài liệu tham chiếu
		cảnh báo và kích hoạt biện pháp phòng ngừa chủ động.				
		+ Quản lý tập trung				
		+ Chế độ tự động cập nhật				
	Support	- Hỗ trợ cài đặt và triển khai ban đầu				
		- Cập nhật cơ sở dữ liệu và nâng cấp phiên bản phần mềm (nếu có)				
	Bản quyền và hỗ trợ kỹ thuật	01 năm				
11	Giải pháp giám sát mạng cho hệ thống		1	Bản quyền		
	Tính năng	Là giải pháp giám sát mạng mẽ, có khả năng theo dõi hoạt động của hạ tầng mạng, thiết bị, dịch vụ, máy chủ và lưu lượng mạng trong thời gian thực:				
		- Có thể được triển khai trên các hệ thống để giám sát hiệu suất của NoC và các thành phần hạ tầng mạng, từ đó phát hiện sớm các vấn đề về băng thông, độ trễ, và khả năng truyền thông giữa các nút mạng.				
		- Cơ chế cảnh báo và theo dõi: Phần mềm giám sát cung cấp cơ chế cảnh báo tự động thông qua email, hoặc giao diện web khi có sự cố xảy ra (chẳng hạn như mất kết nối, lỗi truyền thông, hoặc quá tải tài nguyên).				

STT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Tuyên bố đáp ứng (Đơn vị chào giá ghi rõ đáp ứng/không đáp ứng)	Dẫn chứng tài liệu tham chiếu
		- Phân tích hiệu suất: Hỗ trợ phân tích hiệu suất của toàn bộ hệ thống, giúp cải thiện dịch vụ bằng cách tối ưu hóa các yếu tố như độ trễ và hiệu quả sử dụng băng thông.				
		- Cài đặt: Cài đặt phần mềm giám sát trên máy chủ để giám sát hạ tầng mạng.				
		- Cấu hình thông báo cảnh báo: Thiết lập thông báo cảnh báo dựa trên các chỉ số hiệu suất quan trọng như CPU, RAM, băng thông, độ trễ giữa các thiết bị mạng.				
		- Giám sát thời gian thực: Theo dõi các chỉ số mạng thời gian thực như lưu lượng, sử dụng tài nguyên hệ thống, và số lượng kết nối để đảm bảo chất lượng dịch vụ liên tục.				
	Năng lực	Hỗ trợ giám sát đến 25 node.				
	Bản quyền và hỗ trợ kỹ thuật	01 năm				

ĐVCC nộp kèm Tài liệu kỹ thuật chính hãng (datasheet/catalogue) với sản phẩm chào giá.

1.2.3. Yêu cầu về khối lượng công tác lắp đặt, cài đặt các thiết bị, giải pháp hạ tầng: Cam kết

1.2.4. Yêu cầu về đào tạo, hướng dẫn sử dụng, quản trị, vận hành: Cam kết

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Yêu cầu về giải pháp triển khai: Cam kết

1.2.3.2. Yêu cầu về dịch vụ bảo hành và hỗ trợ sau triển khai: cam kết

1.2.3.3. *Yêu cầu về an toàn thông tin: cam kết*

1.2.3.4. *Yêu cầu về tiến độ thực hiện: cam kết*

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm: Cam kết

....., Ngày tháng năm 2025
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

CAM KẾT CỦA ĐƠN VỊ CHÀO GIÁ

Kính gửi: Ban Kinh doanh Giải pháp CNTT – Chi nhánh Công ty Công nghệ thông tin VNPT

Căn cứ hồ sơ yêu cầu chào giá của Quý Ban gửi Công ty ;

Chúng tôi, Công ty ...

Địa chỉ tại:

Mã số thuế:

Số điện thoại liên hệ:

Cam kết các nội dung sau:

1. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ chào giá là trung thực;
2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm nộp hồ sơ chào giá;
4. Về năng lực kinh nghiệm: Đáp ứng hoàn toàn và có kê khai đầy đủ kèm theo;
5. Về phạm vi cung cấp: Đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào giá;
6. Về yêu cầu kỹ thuật: Đáp ứng hoàn toàn theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào giá, có chi tiết tuyên bố đáp ứng kèm theo;
7. Về kiểm tra và thử nghiệm: Đảm bảo đạt yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào giá;
8. Về bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật: Đáp ứng hoàn toàn theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào giá;
9. Về tiến độ thực hiện: Cam kết thời gian thực hiện hợp đồng đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào giá;
10. Nếu được lựa chọn chúng tôi sẽ thực hiện đầy đủ các yêu cầu nêu trong YCCG, triển khai đảm bảo tiến độ và chất lượng yêu cầu;
11. Các cam kết khác: Cam kết đáp ứng đầy đủ tất cả các nội dung yêu cầu của YCCG.
12. Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham gia chào giá và chịu trách nhiệm bồi thường nếu có phát sinh về tài chính trong việc tham dự thầu và ký kết triển khai hợp đồng của Quý Ban với Khách hàng (với điều kiện phát sinh tài chính đó có liên quan đến các hành vi chúng tôi gây ra dẫn đến việc Quý Ban không triển khai được hợp đồng với Khách hàng hoặc làm ảnh hưởng đến việc triển khai hợp đồng của Quý Ban với Khách hàng), các hành vi gồm:

- Sau khi nộp hồ sơ chào giá và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ chào giá,

chúng tôi có văn bản rút Hồ sơ chào giá hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong Hồ sơ chào giá theo yêu cầu của YCCG;

- Chúng tôi không tiến hành hoặc từ chối thương thảo, hoàn thiện hợp đồng theo thời hạn quy định trong thông báo mời thương thảo hoàn thiện hợp đồng của Quý Ban, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Chúng tôi không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng sau khi thương thảo hoàn thiện hợp đồng, thời hạn ký kết hợp đồng theo yêu cầu của Quý Ban, trừ trường hợp bất khả kháng”;

- Chúng tôi không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định.

Nếu vi phạm những cam kết trên, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

....., Ngày tháng năm 2025
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY